

HOÀN THIÊN PHÁP LUẬT VỀ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

ĐÀM BÍCH HIÊN*

Xu hướng thúc đẩy phát triển bền vững đã đặt ra những yêu cầu, thách thức mới đối với pháp luật về quỹ bảo vệ môi trường nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của quỹ. Thông qua việc nghiên cứu lý luận pháp luật về quỹ bảo vệ môi trường và đối chiếu với thực tiễn pháp luật hiện hành, bài viết nhận diện những kết quả tích cực, các khiếm khuyết trong điều chỉnh pháp luật đối với tổ chức và hoạt động của quỹ. Trên cơ sở đó, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển đất nước bền vững.

Từ khóa: Quỹ bảo vệ môi trường; pháp luật; phát triển bền vững; quản trị môi trường; dự án môi trường.

The growing emphasis on sustainable development has created new requirements and challenges for the legal framework governing environmental protection funds, aiming to improve their operational quality and effectiveness. By examining the theoretical foundations of environmental protection funds law and comparing them with current legal provisions, this article identifies strengths and shortcomings in the legal regulation of these funds' organization and operations. Accordingly, it proposes measures to strengthen legal regulation to support the country's sustainable development goals.

Keywords: Environmental protection funds; law; sustainable development; environmental governance; environmental projects.

NGÀY NHẬN: 16/8/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 29/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 19/10/2026

Email: dambichhien2026@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.371.2026.1686>

1. Đặt vấn đề

Trong điều kiện nền kinh tế ngày càng chịu tác động sâu sắc của các vấn đề môi trường, việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường đã trở thành yêu cầu tất yếu. Với tư cách là một công cụ tài chính môi trường, quỹ bảo vệ môi trường (viết tắt là quỹ) góp phần thúc đẩy mô hình phát triển bền vững và chuyển đổi xanh ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự thay đổi của bối cảnh

phát triển trong tình hình mới đang tạo ra những thách thức đối với khuôn khổ pháp luật điều chỉnh về quỹ. Điều này đòi hỏi phải đánh giá lại các quy định pháp luật đang điều chỉnh tổ chức và hoạt động của quỹ trong bối cảnh mới.

2. Pháp luật về quỹ bảo vệ môi trường

Pháp luật về quỹ là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh quá trình thành

* TS, Trường Đại học Tài chính - Marketing

lập, quản trị và vận hành quỹ, qua đó, bảo đảm khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính cho công tác bảo vệ môi trường.

Xét về bản chất, pháp luật về quỹ là khuôn khổ pháp lý điều chỉnh quá trình chuyển hóa nguồn lực tài chính thành các giá trị môi trường nhằm phát triển bền vững. Vì vậy, khả năng điều chỉnh của pháp luật không chỉ được đánh giá ở tính đầy đủ, hệ thống, khả thi mà quan trọng là ở khả năng bảo đảm hiệu quả tài chính cho các mục tiêu môi trường.

Về nội dung, pháp luật quy định về địa vị pháp lý và mô hình tổ chức của quỹ; cơ chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan; cơ chế kiểm soát gắn với trách nhiệm giải trình trong hoạt động của quỹ.

Khung pháp lý về quỹ đóng vai trò nền tảng trong việc định hình mô hình tổ chức và cơ chế vận hành của định chế này. Sự hoàn thiện của hệ thống quy định pháp luật không chỉ bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán trong hoạt động của quỹ mà còn bám sát các mục tiêu chiến lược và yêu cầu quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường. Đồng thời, pháp luật tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động, quản lý và phân bổ nguồn lực tài chính, qua đó, góp phần khắc phục những hạn chế về nguồn vốn trong bảo vệ môi trường. Pháp luật còn bảo đảm hiệu quả trong quản lý, sử dụng nguồn vốn của quỹ, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường sống.

Từ góc độ phát triển bền vững, pháp luật về quỹ cần bảo đảm bốn yêu cầu cốt lõi sau:

(1) Bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các nguyên tắc phát triển bền vững. Theo đó, pháp luật phải điều chỉnh hoạt động của quỹ hướng tới việc giải quyết các vấn đề môi trường gắn với phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, hướng tới các mục tiêu kinh tế xanh, tuần hoàn và chủ động ứng phó khí hậu.

(2) Bảo đảm sử dụng tài chính của quỹ theo hướng phòng ngừa, đồng thời giảm

thiểu rủi ro môi trường. Pháp luật về quỹ không chỉ hướng tới khắc phục các tổn thất môi trường đã phát sinh mà còn phải ưu tiên hỗ trợ ngăn ngừa ô nhiễm, kiểm soát rủi ro môi trường, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài nguyên và thúc đẩy các mô hình sản xuất và tiêu dùng xanh.

(3) Bảo đảm sự phù hợp với những tiêu chuẩn cốt lõi của quản trị công và quản trị môi trường hiện đại. Pháp luật cần thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan, bảo đảm tính công khai, minh bạch; đồng thời, tăng cường khả năng linh hoạt, chủ động ứng phó của quỹ trước những thay đổi của chính sách, khoa học, công nghệ và yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

(4) Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu mới của phát triển bền vững. Pháp luật về quỹ cần được thiết kế theo hướng có khả năng điều chỉnh và mở rộng phạm vi hỗ trợ thích ứng với những yêu cầu mới của sự phát triển. Ngoài ra, pháp luật còn tạo dư địa để quỹ có thể tham gia hỗ trợ các lĩnh vực mới, như: kiểm soát phát thải nhà kính, chuyển dịch cơ cấu năng lượng, tài chính xanh và các mô hình kinh tế bền vững.

Những yêu cầu trên xuất phát từ các nguyên tắc của phát triển bền vững, quản trị môi trường hiện đại và quản lý tài chính công, theo đó, sử dụng nguồn lực tài chính môi trường phải hiệu quả, minh bạch và hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, môi trường (World Commission on Environment and Development, 1987).

Về tiêu chí đánh giá sự hoàn thiện của pháp luật về quỹ trong bối cảnh phát triển bền vững:

Một là, bảo đảm hiệu quả tài chính môi trường, thể hiện ở khả năng sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính của quỹ cho các mục tiêu môi trường. Tiêu chí này phản ánh mức độ mà pháp luật tạo lập được cơ chế huy động, sử dụng, quản lý các nguồn lực tài chính nhằm phục vụ nhu cầu bảo vệ môi trường.

Hai là, bảo đảm tính đồng bộ và sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội

và môi trường. Tiêu chí đòi hỏi pháp luật phải cân bằng các mục tiêu phát triển, bảo đảm hoạt động của quỹ vừa tạo ra giá trị môi trường, vừa hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội.

Ba là, mức độ bảo đảm quản trị tốt trong hoạt động của quỹ. Tiêu chí này thể hiện thông qua việc pháp luật bảo đảm hiệu quả quản lý và khả năng thích ứng của quỹ trước những yêu cầu mới của sự phát triển đất nước.

Các tiêu chí được thiết lập dựa trên các nguyên tắc của phát triển bền vững, theo đó, việc điều chỉnh pháp luật đối với quỹ cần hướng tới sử dụng hiệu quả nguồn lực, kết hợp hài hòa giữa các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, xã hội và môi trường; đồng thời, bảo đảm các yêu cầu trong quản trị công (United Nations, 2015).

3. Đánh giá pháp luật về quỹ bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Pháp luật về quỹ đã dần được bổ sung, hoàn thiện theo hướng tạo hành lang pháp lý cho việc huy động và sử dụng nguồn tài chính của quỹ phục vụ cho bảo vệ môi trường. *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) (Quốc hội, 2020, 2025) đã ghi nhận quỹ là một trong những công cụ tài chính không thể thiếu trong bảo vệ môi trường; đồng thời, xác lập mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của quỹ. Nội dung này đã được cụ thể hóa trong các nghị định hướng dẫn thi hành *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Các văn bản này đã quy định cụ thể các phương thức hỗ trợ tài chính đối với hoạt động bảo vệ môi trường, tạo điều kiện cho việc thực hiện các chính sách môi trường thông qua công cụ kinh tế. Chính quyền địa phương cấp tỉnh cũng đã ban hành các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của quỹ ở cấp tỉnh.

Thứ nhất, đối với tiêu chí hiệu quả tài chính môi trường.

Khuôn khổ pháp luật hiện hành đã xác định vị trí của quỹ như một công cụ kinh tế quan trọng trong bảo vệ môi trường. Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam từ khi ra đời từ

ngày 26/6/2002 đến nay đã duy trì hoạt động ổn định trong hơn 20 năm và từng bước khẳng định vai trò với tư cách là một công cụ tài chính của Nhà nước trong lĩnh vực môi trường. Kết quả cho thấy, không những bảo toàn được toàn bộ vốn điều lệ được cấp ngân sách ban đầu là 733,8 tỷ đồng mà còn tích lũy để bổ sung vốn điều lệ (489 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển), tương đương khoảng 67% số vốn điều lệ ban đầu. Đây là chỉ báo quan trọng phản ánh tính bền vững cũng như hiệu quả quản lý vốn của quỹ. Đến ngày 31/12/2025, tổng nguồn vốn của quỹ đạt 1.435,074 tỷ đồng, tăng 13,658 tỷ đồng so với năm trước. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2022 - 2024, quỹ đã giải ngân hơn 680,2 tỷ đồng cho 30 dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Kết quả này đã khẳng định pháp luật hiện hành đã điều chỉnh tương đối hiệu quả việc luân chuyển và sử dụng nguồn lực tài chính của quỹ vào bảo vệ môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026).

Pháp luật đã mở rộng đáng kể nguồn lực tài chính môi trường qua việc thực hiện cơ chế trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhập khẩu (EPR). Tính riêng năm 2025, số tiền đóng góp tài chính thực hiện trách nhiệm EPR đạt 657,2 tỷ đồng, tăng 225,148 tỷ đồng so với năm 2024. Đồng thời, quỹ đã tiếp nhận 29,336 tỷ đồng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, đạt 240% kế hoạch năm. Lệ phí thu được từ bán/chuyển CERs là 55 triệu đồng (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026). Điều này cho thấy, quỹ đã bước đầu thiết lập được nguồn tài chính đáng kể đối với hoạt động bảo vệ môi trường. Quỹ ở cấp tỉnh cũng thể hiện được vai trò của mình thông qua việc hỗ trợ về tài chính cho các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường. Nguồn vốn hoạt động do ngân sách nhà nước cấp cho quỹ phần lớn được sử dụng để thực hiện các hình thức hỗ trợ về tài chính đối với các dự án, hoạt động bảo vệ môi trường. Hoạt động của các quỹ ở cấp tỉnh không chỉ giúp giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước mà còn định

hướng và thúc đẩy khối tư nhân đầu tư cho bảo vệ môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026).

Tuy nhiên, hiệu quả tài chính môi trường trong khuôn khổ pháp luật hiện hành còn có những hạn chế nhất định. Pháp luật đã tạo lập được cơ chế huy động các nguồn tài chính như ký quỹ môi trường và EPR, song tài chính của quỹ vẫn cơ bản dựa trên các nguồn vốn của Nhà nước hoặc các khoản đóng góp bắt buộc do pháp luật quy định. Pháp luật chưa thiết lập hiệu quả cơ sở pháp lý cho các công cụ tài chính xanh hiện đại (bảo lãnh tín dụng xanh, trái phiếu xanh, cơ chế chia sẻ rủi ro môi trường...). Điều này làm ảnh hưởng đến hiệu quả huy động các nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường trong khi nhu cầu tài chính cho chuyển đổi xanh ngày càng tăng.

Thứ hai, đối với tiêu chí bảo đảm tính đồng bộ và sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường.

So với các giai đoạn trước, pháp luật đã thể hiện rõ hơn xu hướng phát triển bền vững. Quỹ đã ưu tiên, hỗ trợ các hoạt động như tái chế, tái sử dụng chất thải, xử lý ô nhiễm môi trường, sản xuất năng lượng sạch... Kết quả hoạt động của quỹ đã góp phần tác động tích cực đến môi trường (giảm ô nhiễm và giảm phát thải khí nhà kính) thông qua hỗ trợ các dự án bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, quỹ còn hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường sau thiên tai, qua đó thể hiện vai trò của quỹ trong việc sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026).

Tuy nhiên, trên thực tế, pháp luật hiện hành chưa quy định tiêu chí pháp lý cụ thể để xác định hiệu quả của các dự án đối với phát triển bền vững. Cụ thể, còn thiếu những quy định về việc ưu tiên hỗ trợ căn cứ vào giá trị mà dự án mang lại, như: mức cắt giảm lượng phát thải khí nhà kính, mức độ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, mức độ sử dụng hiệu quả tài nguyên, giá trị xã hội tạo ra cho cộng đồng. Những hạn chế này chủ yếu do pháp

luật mới chỉ xác lập định hướng phát triển bền vững mà chưa thể chế hóa đầy đủ các yêu cầu đó thành các tiêu chí pháp lý cụ thể trong thẩm định, lựa chọn, hỗ trợ dự án. Đồng thời, việc lượng hóa các giá trị kinh tế - xã hội và môi trường mà dự án mang lại còn gặp nhiều khó khăn về phương pháp đánh giá, cơ sở dữ liệu, do đó, các mục tiêu phát triển bền vững chưa được cụ thể hóa đầy đủ trong khuôn khổ pháp luật về quỹ.

Thứ ba, đối với tiêu chí chất lượng quản trị quỹ.

Pháp luật đã quy định khá đầy đủ về mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của quỹ (đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam quy định ở Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đối với quỹ cấp tỉnh, quy định trong văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Quỹ không phải là cơ quan nhà nước hay đơn vị sự nghiệp công nhưng hoạt động của quỹ luôn bám sát và nhằm phục vụ cho quản lý nhà nước về môi trường. Trên cơ sở khung pháp lý hiện hành, quỹ duy trì được hoạt động ổn định, bảo toàn được vốn nhà nước cấp và ngày càng mở rộng quy mô nguồn lực tài chính. Việc tiếp nhận và quản lý nguồn đóng góp EPR cũng cho thấy, quỹ có thể thích ứng được các yêu cầu mới của chính sách môi trường.

Tuy nhiên, sự kết hợp giữa quỹ cấp tỉnh với quỹ trung ương và giữa các quỹ với các ngân hàng thương mại chưa thực sự hiệu quả. Hiện nay, chưa có quy định về phối hợp trong chia sẻ thông tin, điều phối nguồn vốn và hỗ trợ thực hiện các chương trình, dự án trong lĩnh vực môi trường giữa quỹ trung ương và các quỹ cấp tỉnh. Do đó, không tập trung được nguồn lực, dẫn đến chồng chéo, bỏ sót đối tượng hỗ trợ ở một số địa bàn. Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác giữa các quỹ và các ngân hàng thương mại chủ yếu mới dừng ở một số hình thức phối hợp riêng lẻ, chưa hình thành cơ chế đồng tài trợ, bảo lãnh tín dụng hoặc chia sẻ rủi ro một cách ổn định và rộng rãi. Việc thu hút các nguồn vốn xã hội cho các dự án môi trường còn hạn chế, chưa

thể hiện tốt vai trò đòn bẩy tài chính của hệ thống quỹ trong đẩy mạnh đầu tư xanh và phát triển bền vững.

Nguồn vốn của các quỹ cấp tỉnh còn hạn chế nên chưa cung cấp được vốn theo yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp cần đầu tư cho những dự án, công trình bảo vệ môi trường, nhất là những dự án cần vay vốn lớn. Theo quy định của pháp luật hiện hành, vốn điều lệ tối thiểu của quỹ cấp tỉnh là 30 tỷ đồng. Trên cơ sở quy định này, vốn điều lệ của quỹ ở nhiều tỉnh chỉ khoảng vài chục tỷ. Ví dụ như quỹ ở tỉnh An Giang vốn điều lệ 60 tỷ (UBND tỉnh An Giang, 2025) hay quỹ ở tỉnh Hưng Yên, vốn điều lệ tối thiểu là 30 tỷ đồng, Sở Tài chính bố trí vốn điều lệ của quỹ bảo đảm đến năm 2026 tối thiểu là 30 tỷ đồng (UBND tỉnh Hưng Yên, 2025). Mức vốn điều lệ tối thiểu này của quỹ cấp tỉnh còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn hiện nay.

Một số địa phương chưa kiện toàn được tổ chức bộ máy quỹ, còn hiện tượng thành viên quỹ là nhân sự của các đơn vị có liên quan làm kiêm nhiệm, người làm chuyên trách ít như tại tỉnh Gia Lai và Tuyên Quang..., một số tổ chức, cá nhân không thực hiện nộp tiền ký quỹ hoặc thực hiện nộp tiền ký quỹ chưa kịp thời, đầy đủ như ở Thái Nguyên, Ninh Bình và Quảng Trị; đối tượng được quy định thuộc diện được vay ưu đãi còn hạn chế như tại Nghệ An; nhiều chủ đầu tư thuộc diện được vay vốn ưu đãi của quỹ nhưng không có tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay như tại Thái Nguyên (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2026).

Dưới góc độ quản trị môi trường hiện đại, khuôn khổ pháp luật hiện hành vẫn chủ yếu chú trọng đến quản lý tài chính và bảo toàn vốn hơn là quản trị theo kết quả môi trường. Chưa có quy định cụ thể về cơ chế đánh giá tác động đến môi trường sau khi dự án nhận hỗ trợ từ quỹ; chưa thiết lập hệ thống chỉ số đo lường hiệu quả môi trường và hiệu quả xã hội của các khoản hỗ trợ tài chính; đồng thời, chưa quy định việc công khai đầy đủ thông tin về kết quả môi trường đạt được từ các dự án được quỹ hỗ trợ. Vì vậy, mặc dù pháp luật

đã cơ bản bảo đảm yêu cầu quản lý tài chính công, nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản trị quỹ theo hướng minh bạch hóa quản trị, tăng cường giải trình và quản trị dựa trên kết quả của phát triển bền vững.

4. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quỹ bảo vệ môi trường trong bối cảnh phát triển bền vững

Một là, hoàn thiện cơ sở pháp lý nhằm mở rộng các nguồn tài chính môi trường, nâng cao hiệu quả tài chính của quỹ.

Pháp luật cần điều chỉnh theo hướng quy định đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho quỹ, khắc phục tình trạng lệ thuộc vào nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các khoản đóng góp bắt buộc. Bổ sung các quy định để triển khai các công cụ tài chính xanh (bảo lãnh tín dụng xanh, quỹ đầu tư xanh, cơ chế đồng tài trợ...) đối với các dự án môi trường.

Để nâng cao hiệu quả tài chính của quỹ, pháp luật cần quy định rõ cơ chế phối hợp giữa quỹ trung ương và các quỹ cấp tỉnh nhằm chia sẻ thông tin, điều phối nguồn vốn và hỗ trợ các chương trình, dự án môi trường liên vùng. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế đồng tài trợ, bảo lãnh tín dụng xanh và chia sẻ rủi ro giữa hệ thống quỹ với các tổ chức tín dụng nhằm giúp các dự án môi trường thuận lợi hơn trong việc tiếp cận nguồn vốn. Từ đó, không chỉ nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của quỹ mà còn góp phần thu hút nguồn vốn trong xã hội đầu tư cho phát triển bền vững.

Hai là, hoàn thiện các tiêu chí pháp lý đo lường đóng góp của dự án đối với phát triển bền vững.

Hiệu quả môi trường của quỹ không chỉ căn cứ vào số vốn được giải ngân cũng như số lượng dự án, chương trình, hoạt động bảo vệ môi trường được hỗ trợ mà quan trọng hơn là phải căn cứ vào tác động tích cực của dự án, hoạt động được tài trợ đến môi trường. Vì vậy, cần bổ sung trong pháp luật các tiêu chí cụ thể làm căn cứ để quỹ lựa chọn, xếp hạng và ưu tiên hỗ trợ dự án. Các tiêu chí này có thể bao gồm mức độ giảm phát thải khí nhà kính, mức độ thúc đẩy kinh

tế tuần hoàn, hiệu năng sử dụng tài nguyên, khả năng tạo việc làm xanh, tác động đối với cộng đồng. Đồng thời, cần thiết kế bộ chỉ số đo lường thống nhất áp dụng trong việc thực hiện hỗ trợ tài chính của quỹ.

Ba là, tạo lập cơ sở pháp lý cho việc chuyển đổi từ quản lý tài chính sang quản trị quỹ dựa trên kết quả môi trường.

Đây là giải pháp mang tính đột phá và phù hợp với nguyên tắc cơ bản của quản trị môi trường hiện đại. Theo đó, cần bổ sung quy định về cơ chế theo dõi, đánh giá tác động môi trường của chương trình, dự án sau khi đã được quỹ hỗ trợ. Cần bổ sung quy định về trách nhiệm công khai thông tin của các chủ thể có liên quan đến kết quả tác động đến môi trường mà các dự án được hỗ trợ đạt được, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể trong xã hội giám sát hoạt động của quỹ. Việc chuyển từ tư duy “quản lý vốn” sang “quản trị kết quả môi trường” sẽ giúp minh bạch hóa hoạt động của quỹ, tăng cường trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả của quỹ nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

Bốn là, nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả thực thi và hoàn thiện bộ máy của các quỹ cấp tỉnh.

Cần nghiên cứu sửa đổi Điều 159 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP theo hướng nâng mức vốn điều lệ tối thiểu của quỹ cấp tỉnh phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của các địa phương và nhu cầu đầu tư trong lĩnh vực môi trường hiện nay. Bên cạnh đó, ngoài nguồn ngân sách nhà nước, cần cho phép các quỹ địa phương được tiếp nhận vốn từ nhiều nguồn phù hợp khác như ủy thác, viện trợ, tài trợ hoặc nguồn thu từ các cơ chế tài chính môi trường. Cần hoàn thiện các quy định về tổ chức và nhân sự của quỹ nhằm tăng tính chuyên nghiệp, giảm tình trạng kiêm nhiệm và bố trí đủ cán bộ chuyên trách. Có thể nghiên cứu mô hình liên kết vùng hoặc cơ chế sử dụng chung nguồn nhân lực chuyên môn đối với những địa phương quỹ có quy

mô nhỏ. Đồng thời, hoàn thiện các quy định về thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các trường hợp vi phạm nghĩa vụ ký quỹ đã được pháp luật quy định.

5. Kết luận

Trong bối cảnh phát triển bền vững, pháp luật về quỹ cần được nhìn nhận không chỉ như khuôn khổ điều chỉnh một thiết chế tài chính môi trường mà còn là công cụ pháp lý góp phần định hướng và thúc đẩy chuyển đổi sang mô hình phát triển xanh. Vì vậy, việc hoàn thiện khung pháp luật về quỹ không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính trong lĩnh vực môi trường mà còn tạo cơ sở pháp lý để gắn kết hữu cơ các mục tiêu về môi trường với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Dưới góc độ này, bài viết góp phần bổ sung lý luận cho việc tiếp cận pháp luật về quỹ dưới lăng kính phát triển bền vững, đồng thời cung cấp luận cứ cho hoàn thiện chính sách và pháp luật về quỹ đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn hiện nay. □

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2026). *Báo cáo số 4911/BC-BNNMT ngày 17/5/2026 về tổng kết thi hành Luật Bảo vệ môi trường.*
- Quốc hội (2020, 2025). *Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).*
- Thủ tướng Chính phủ (2014). *Quyết định số 78/2014/QĐ-TTg ngày 26/12/2014 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.*
- United Nations (2015). *Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development, Resolution A/RES/70/1, New York, paras. 18-35.*
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (2025). *Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh An Giang.*
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (2025). *Quyết định số 2276/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 ban hành Cơ chế tài chính của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên.*
- World Commission on Environment and Development (1987). *Our Common Future.* Oxford University Press.